

Câu 1: (2đ) Nhập nội dung và định dạng dữ liệu bảng tính (bắt đầu từ A1).

	A	B	C	D	E	F	G	H	I
1	CỬA HÀNH KINH DOANH TỔNG HỢP								
2	STT	Mã hàng	Phân loại	Tên hàng	Số lượng	Giá bán	Phụ thu	Thành tiền	
3	1	BH5L							
4	2	HT12S							
5	3	HH18S							
6	4	GT15L							
7	5	TH7S							
8	6	HT17S							
9	7	BT14L							
10	8	TH7L							
11	9	HH10L							
12	10	BH8L							
13	11	GT15S							
14	12	BT12S							
15									
16	Bảng 1. (HAISAN)					Bảng 2. (THIT)			
17	Mã	Tên hàng	Sĩ	Lê		Mã	Tên hàng	Sĩ	Lê
18	B	Bào ngư	250,000	300,000		B	Bò	120,000	125,000
19	H	Hàu	40,000	45,000		G	Gà	110,000	120,000
20	T	Tôm hùm	600,000	850,000		H	Heo	130,000	350,000
21									
22	Bảng 3. THỐNG KÊ THÀNH TIỀN								
23		Bào ngư	Hàu	Tôm hùm	Bò	Gà	Heo		
24	Phụ thu	1%	0.50%	2%	2.50%	3%	4%		
25	Sĩ								
26	Lê								

Câu 2: (0.5đ) **Phân loại:** nếu ký tự thứ 2 của Mã hàng là H thì ghi HAISAN, ngược lại ghi THIT.

Câu 3: (1đ) **Tên hàng:** tùy vào Phân loại, dựa vào ký tự đầu của Mã hàng tra trong Bảng 1, Bảng 2.

Câu 4: (0.5đ) **Số lượng:** là các ký tự giữa Mã hàng và chuyển thành số.

Câu 5: (1đ) **Giá bán:** tùy vào Phân loại, dựa vào ký tự đầu của Mã hàng tra trong Bảng 1, Bảng 2. Tuy nhiên nếu ký tự cuối của Mã hàng là S lấy giá trong cột Sĩ, là L lấy giá trong cột Lê.

Câu 6: (1đ) **Phụ thu** = **Số lượng*****Giá bán*****MỨC PHỤ THU**. MỨC PHỤ THU dựa vào Tên hàng tra trong Bảng 3 và chỉ tính PHỤ THU khi SỐ LƯỢNG từ 10 trở lên.

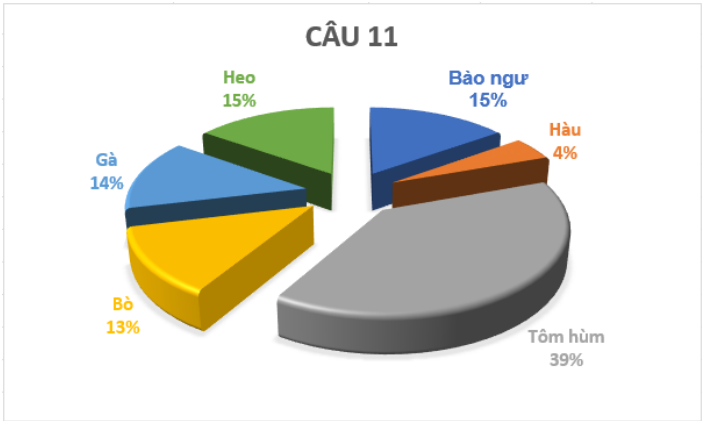
Câu 7: (0.5đ) **Thành tiền** = **Số lượng*****Giá bán**+**Phụ thu**.

Câu 8: (1đ) Tính tổng thành tiền các ô còn trống trong Bảng 3.

Câu 9: (1đ) Sử dụng Advanced Filter trích lọc danh sách những Mã hàng bán Sĩ có số lượng từ 15 trở lên.

Câu 10: (0.5đ) Sử dụng Conditional Formatting tô màu xanh các dòng Mã hàng bán Lẻ và không tính PHỤ THU.

Câu 11: (1đ) Dựa vào dữ liệu Bảng 3 (lấy tổng thành tiền theo TÊN HÀNG) tạo ra đồ thị sau:



Ghi chú: Cán bộ coi thi không được giải thích đề thi.

Chuẩn đầu ra của học phần (về kiến thức)	Nội dung kiểm tra
[G 1.2]: Sử dụng thành thạo các công cụ Word, Excel, PowerPoint để thiết kế các tài liệu phục vụ cho công việc chuyên môn.	Câu 1
[G 2.2]: Sử dụng các công cụ Word, Excel để thu thập và lưu trữ dữ liệu.	Câu 1
[G 4.1]: Sử dụng các công thức và các hàm trong Excel để phân tích số liệu, tính toán và thống kê.	Câu 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 11

Ngày 26 tháng 12 năm 2023
Trưởng bộ môn
(ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Hoàng Văn Dũng

ĐÁP ÁN GỢI Ý

Câu 1: (2đ) Nhập nội dung và định dạng dữ liệu bảng tính (bắt đầu từ A1).

	A	B	C	D	E	F	G	H	I
1	CỬA HÀNH KINH DOANH TỔNG HỢP								
2	STT	Mã hàng	Phân loại	Tên hàng	Số lượng	Giá bán	Phụ thu	Thành tiền	
3	1	BH5L							
4	2	HT12S							
5	3	HH18S							
6	4	GT15L							
7	5	TH7S							
8	6	HT17S							
9	7	BT14L							
10	8	TH7L							
11	9	HH10L							
12	10	BH8L							
13	11	GT15S							
14	12	BT12S							
15									
16	Bảng 1. (HAISAN)				Bảng 2. (THIT)				
17	Mã	Tên hàng	Sỉ	Lẻ	Mã	Tên hàng	Sỉ	Lẻ	
18	B	Bào ngư	250,000	300,000	B	Bò	120,000	125,000	
19	H	Hàu	40,000	45,000	G	Gà	110,000	120,000	
20	T	Tôm hùm	600,000	850,000	H	Heo	130,000	350,000	
21									
22	Bảng 3. THỐNG KÊ THÀNH TIỀN								
23		Bào ngư	Hàu	Tôm hùm	Bò	Gà	Heo		
24	Phụ thu	1%	0.50%	2%	2.50%	3%	4%		
25	Sỉ								
26	Lẻ								

(Chú ý: trong các công thức sử dụng địa chỉ theo vị trí thiết lập các bảng như trên)

Câu 2: (0.5đ) **Phân loại:** nếu ký tự thứ 2 của Mã hàng là H thì ghi HAISAN, ngược lại ghi THIT.

=IF(MID(B3,2,1)="H","HAISAN","THIT")

Câu 3: (1đ) **Tên hàng:** tùy vào Phân loại, dựa vào ký tự đầu của Mã hàng tra trong Bảng 1, Bảng 2.

=IF(C3="HAISAN",VLOOKUP(LEFT(B3,1),\$A\$18:\$B\$20,2,0),VLOOKUP(LEFT(B3,1),\$F\$18:\$G\$20,2,0))

Câu 4: (0.5đ) **Số lượng:** là các ký tự giữa Mã hàng và chuyển thành số.

=VALUE(MID(B3,3,LEN(B3)-3))

Câu 5: (1đ) **Giá bán:** tùy vào Phân loại, dựa vào ký tự đầu của Mã hàng tra trong Bảng 1, Bảng 2. Tuy nhiên nếu ký tự cuối của Mã hàng là S lấy giá trong cột Sỉ, là L lấy giá trong cột Lẻ.

=IF(C3="HAISAN",VLOOKUP(LEFT(B3,1),\$A\$18:\$D\$20,IF(RIGHT(B3,1)="S",3,4),0),VLOOKUP(LEFT(B3,1),\$F\$18:\$I\$20,IF(RIGHT(B3,1)="S",3,4),0))

Câu 6: (1đ) **Phụ thu = Số lượng*Giá bán*MỨC PHỤ THU.** MỨC PHỤ THU dựa vào Tên hàng tra trong Bảng 3 và chỉ tính PHỤ THU khi SỐ LƯỢNG từ 10 trở lên.

=IF(E3>=10,E3*F3*HLOOKUP(D3,\$B\$23:\$G\$24,2,0),0)

Câu 7: (0.5đ) **Thành tiền = Số lượng*Giá bán+Phụ thu.**

=E3*F3+G3

Câu 8: (1đ) Tính tổng thành tiền các ô còn trống trong Bảng 3.

=SUMIFS(\$H\$3:\$H\$14,\$D\$3:\$D\$14,B23,\$B\$3:\$B\$14,"*S")

=SUMIFS(\$H\$3:\$H\$14,\$D\$3:\$D\$14,B23,\$B\$3:\$B\$14,"*L")

Câu 9: (1đ) Sử dụng Advanced Filter trích lọc danh sách những Mã hàng bán Sỉ có số lượng từ 15 trở lên.

	A	B	C	D	E	F	G	H	Advanced Filter
44	câu 9								?
45		Mã hàng	Dk9						Action
46		*S	FALSE						☐ Filter the list, in-place
47									☒ Copy to another location
48		STT	Mã hàng	Phân loại	Tên hàng	Số lượng	Giá bán	Phụ thu	List range: \$A\$2:\$H\$14
49	3	HH18S	HAISAN	Hàu	18	40,000	3,600	723,600	Criteria range: \$B\$45:\$C\$46
50	6	HT17S	THIT	Heo	17	130,000	88,400	2,298,400	Copy to: \$A\$48:\$H\$48
51	11	GT15S	THIT	Gà	15	110,000	49,500	1,699,500	☐ Unique records only
52									OK
53									Cancel

Câu 10: (0.5đ) Sử dụng Conditional Formatting tô màu xanh các dòng Mã hàng bán Lẻ và không tính PHỤ THU.

	A	B	C	D	E	F	G	H	Edit Formatting Rule
1									?
2									X
3	STT	Mã hàng	Phân loại	Tên hàng	Số lượng	Giá bán	Phụ thu	Thành tiền	Select a Rule Type:
4	1	BHSL	HAISAN	Bào ngư	5	300,000	0	1,500,000	Format all cells based on their values
5	2	HT12S	THIT	Heo	12	130,000	62,400	1,622,400	Format only cells that contain
6	3	HH18S	HAISAN	Hàu	18	40,000	3,600	723,600	Format only top or bottom ranked values
7	4	GT15L	THIT	Gà	15	120,000	54,000	1,854,000	Format only values that are above or below average
8	5	TH7S	HAISAN	Tôm hùm	7	600,000	0	4,200,000	Format only unique or duplicate values
9	6	HT17S	THIT	Heo	17	130,000	88,400	2,298,400	Use a formula to determine which cells to format
10	7	BT14L	THIT	Bò	14	125,000	43,750	1,793,750	Edit the Rule Description:
11	8	TH7L	HAISAN	Tôm hùm	7	850,000	0	5,950,000	Format values where this formula is true:
12	9	HH10L	HAISAN	Hàu	10	45,000	2,250	452,250	=AND(RIGHT(\$B3,1)="L", \$G3=0)
13	10	BHSL	HAISAN	Bào ngư	8	300,000	0	2,400,000	Preview:
14	11	GT15S	THIT	Gà	15	110,000	49,500	1,699,500	AaBbCcYyZz
15	12	BT12S	THIT	Bò	12	120,000	36,000	1,476,000	OK

Câu 11: (1đ) Dựa vào dữ liệu Bảng 3 (lấy tổng thành tiền theo TÊN HÀNG) tạo ra đồ thị sau:

=SUM(B25:B26)

